TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN- Lần2**

**Học kỳ 3 , năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: 7KE0190\_01

Tên học phần: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mã nhóm lớp học phần: **213-** **7KE0190\_01-LẦN 2**

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 PHÚT

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):**

***Gợi ý:***

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

- KHÔNG ĐƯỢC PHÉP UPLOAD FILE ẢNH HOẶC FILE EXCEL

**PHẦN TRẮC NGHIỆM 5 CÂU- 0.6 ĐIỂM /CÂU - (3 điểm)**

Khoản chi phí nào trong các khoản dưới đây *không* thuộc loại chi phí sản xuất chung ở doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo?

A. Chi phí tiền lương thợ nhồi bột

B. Chi phí tiền điện lò nướng bánh

C. Lương trả cho nhân viên kế toán ở nhà máy

D. Chi phí đồng phục cho thợ làm bánh

ANSWER: A

Có số liệu về thông tin số lượng và chi phí của một loại chi phí như sau:

 Số lượng Chi phí.

 20 đơn vị 75.000đ

 40 đơn vị 115.000đ

 70 đơn vị 175.000đ

Chi phí này thuộc dạng nào?

A. Chi phí hỗn hợp

B. Biến phí.

C. Định phí

D. Định phí bắt buộc

ANSWER: A

Công ty Ánh Sao bán một loại sản phẩm với giá bán 50 nghìn đồng/sản phẩm. Doanh thu năm ngoái của công ty là 900,000 nghìn đồng và lợi nhuận ròng là 100,000 nghìn đồng. Nếu tổng định phí là 350,000 nghìn đồng, thì sản lượng hòa vốn của công ty là bao nhiêu?

A, 14,000 sản phẩm

B, 15,000 sản phẩm

C, 18,000 sản phẩm

D, 15,500 sản phẩm

ANSWER: A

Công ty Nguyên Khang có dữ liệu dự tính cho năm 20x9 như sau: (1.000 đồng)

Tài sản hoạt động bình quân 500,000

Doanh thu 1,200,000

Thu nhập hoạt động ròng 60,000

Suất sinh lợi tối thiểu của công ty 10%

Từ dữ liệu trên tỷ suất sinh lợi trên đầu tư (ROI) của công ty sẽ là?

Thu nhập còn lại của công ty là bao nhiêu?

A. 10,000

B. 440,000

C. 54,000

D. 50,000

ANSWER: A

Công ty A đang nghiên cứu việc có nên sản xuất hay ngừng sản xuất sản phẩm X. Sản phẩm này hiện có số dư đảm phí là 50,000,000đ, nếu bỏ sản phẩm X công ty có thể giảm được 40,000,000đ định phí. Quyết định này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận chung là:

A. Giảm 10,000,000đ

B. Giảm 50,000,000đ

C. Tăng 10,000,000đ

D. Tăng 40,000,000đ

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm) Gồm 3 câu**

**Câu 1 (2 điểm)**

Một công ty có kế hoạch sản xuất 900 sản phẩm A trong năm 20X2. Nhưng thực tế, công ty đã sản xuất được 1,000 sản phẩm. Định mức chi phí nhân công trực tiếp tính trên 1 sản phẩm là $32/sản phẩm (2 giờ, và trả $16/ giờ). Chi phí nhân công thực tế công ty phải chi là $34,760 cho 2,200 giờ lao động. Hãy tính biến động về tỷ lệ và năng suất của khoản mục chi phí nhân công trực tiếp của công ty năm 20X2?

**Đáp án Câu 1**

|  |
| --- |
| **Biến động về tỷ lệ chi phí nhân công trực tiếp của công ty năm 20X2**  |
| **=(P1-P0)\*Q1=(34760/2200-16)\*2200=** | **-440 (F) (1đ)** |
| **Biến động về năng suất chi phí nhân công trực tiếp của công ty năm 20X2**  |
| **=(Q1-Q0)\*P0=(34760/2200-16)\*2200=** | **-440 (F) (1đ)** |

**Câu 2 (2 điểm)**

**Thông tin về khoản phải thu tại công ty ABC như sau:**

Phải thu lần 1 thu trong tháng bán hàng 60%

Phải thu lần 2 thu sau 1 tháng bán hàng 25%

Phải thu lần 3 thu sau 2 tháng bán hàng 10%

Nợ phải thu khó đòi 5%

Khách hàng thanh toán đúng lần 1 sẽ được hưởng chiết khấu 3%.

Daonh thu dự kiến trong 4 tháng như sau.

Tháng 6 Tháng 7 Tháng 8 Tháng 9

$60,000 $75,000 $90,000 $80,000

Lập dự toán thu tiền của quý 3

**Đáp án Câu 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tháng 7**  | **Tháng 8** | **Tháng 9** | **Tổng** |
| **Tháng 6** |  |  |  |  |
| 60000\*25% |  15,000  |  |  |  15,000  |
| 60000\*10% |  |  6,000  |  |  6,000  |
| **Tháng 7**  |  |  |  |  -  |
| 75000\*60%\*(1-3%) |  43,650  |  |  |  43,650  |
| 75000\*25% |  |  18,750  |  |  18,750  |
| 75000\*10% |  |  |  7,500  |  7,500  |
| **Tháng 8** |  |  |  |  -  |
| 90000\*60%\*(1-3%) |  |  52,380  |  |  52,380  |
| 90000\*25% |  |  |  22,500  |  22,500  |
| **Tháng 9** |  |  |  |  -  |
| 80000\*60%\*(1-3%) |  |  |  46,560  |  46,560  |
| **Tổng** |  **58,650**  |  **77,130**  |  **76,560**  |  **212,340**  |

**Câu 3 (3 điểm)**

**Công ty Anh Tiến làm 4 loại sản phẩm trong cùng một quy trình sản xuất. Chi phí sản xuất của từng sản phẩm như sau: (ĐVT: 1,000đ)**

 **Sản phẩm**

**A B C D**

Chi phí NVLTT 21.4 10.8 10.2 14.4

Chi phí NCTT 38.2 42.8 58 68.8

Biến phí SXC 2.4 3 3.6 3.2

Định phí SXC 44.8 32 30 35.2

**Dữ liệu liên quan khác đến 4 loại sản phẩm như sau:**

 **Sản phẩm**

 **A B C D**

Số phút làm ra một sản phẩm 4.4 2.4 3.4 3.6

Giá bán trên một sản phẩm 130.8 117 141.4 152.4

Biến phí bán hàng 7.2 7.6 4 6.8

Nhu cầu hàng tháng của 1 sản phẩm 500 1,000 1,500 1,200

**Công suất của máy dùng sản xuất ra 4 loại sản phẩm này 12,960 phút một tháng.**

**Yêu cầu:**

1. **Tổng thời gian máy cần chạy để làm đủ nhu cầu của 4 loại sản phẩm trong một tháng? (1.5 điểm)**
2. **Sản phẩm nào sử dụng máy hiệu quả nhất? (1.5 điểm)**

**Đáp án câu 3**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số giờ máy cần chạy để làm đủ nhu cầu của 4 loại sản phẩm trong một tháng là : 500\*4.4+1000\*2.4+1500\*3.4+1200\*3.6=14020 |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
|  | Sản phẩm |  |  |  |  |  |
|  | A | B | C | D |  |  |
| Giá bán | 130.8 | 117 | 141.4 | 152.4 |  |  |
| Chi phí NVLTT | 21.4 | 10.8 | 10.2 | 14.4 |  |  |
| Chi phí NCTT | 38.2 | 42.8 | 58 | 68.8 |  |  |
| Biến phí SXC | 2.4 | 3 | 3.6 | 3.2 |  |  |
| Biến phí bán hàng | 7.2 | 7.6 | 4 | 6.8 |  |  |
| Số dư đảm phí | 61.6 | 52.8 | 65.6 | 59.2 |  |  |
| Số phút làm ra 1 sản phẩm | 4.4 | 2.4 | 3.4 |  3.60  |  |  |
| Số dư đảm phí trên 1 phút giờ máy |  14.00  |  22.00  |  19.29  |  16.44  |  |  |
|  | 500 | 1000 | 1500 | 1200 |  |  |
| Sản phẩm B có số dư đảm phí trên 1 phút giờ máy cao nhất nên sử dụng máy hiểu quả nhất |  |  |  |

*Ngày biên soạn: 22/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi:**

Lê Như Hoa

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email:khaothivanlang@gmail.combao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).